TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM-ST
Ngày: 19 – 12 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Ông Lâm Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ Số 89 H, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Ông Ngô Chí D, sinh năm 1968; nơi làm việc Số 89 H, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – *vắng mặt*)

1.2. Ông Đỗ Thành T1; nơi làm việc Số 89 H, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 11A/2019/UQ-CT ngày 01 tháng 3 năm 2019 – *vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Đỗ Thành T1 theo văn bản ủy quyền số 261210/2019/UQ-PGĐK ngày 22 tháng 7 năm 2019:

1.2.1. Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1995 (*vắng mặt*).

1.2.2. Anh Cái Phước T2, sinh năm 1997 (*có mặt*).

Nơi làm việc: Tầng 02, Số 96, đường T3, Phường 4, Quận 3, Thành phố

Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Minh T4, sinh năm 1967; cư trú tại Số 57A, đường N, khóm 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

2.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1970; cư trú tại khóm 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2019 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Cái Phước T2 trình bày:

Trong các ngày 12 và ngày 24/10/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ Phần V – Chi nhánh Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng V) cùng với ông Lê Minh T4 (đứng tên Hộ kinh doanh Lê Minh T4; ngành nghề: cho thuê và mua bán băng đĩa nhạc, trà, cà phê; địa điểm kinh doanh: Quầy A1, A2, Trung tâm Thương mại B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) và bà Nguyễn Thị Ngọc M ký kết Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20161024-0004827; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn, với nội dung:

Ông T4 mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng V. Đồng thời, ông T4, bà M đăng ký vay vốn số tiền 78.750.000 đồng; hình thức cho vay tín chấp không có tài sản bảo đảm; mục đích bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất trong hạn cố định 40%/năm (360 ngày), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; giải ngân bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán đứng tên ông T4 mở tại Ngân hàng V; kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo lịch trả nợ đính kèm khi giải ngân; trường hợp khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo các phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận thì phần dư nợ gốc thực tế còn lại sẽ được chuyển sang nợ quá hạn, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Ngoài ra, còn thỏa thuận về các khoản phí tín dụng, phí trả nợ trước hạn.

Thực hiện hợp đồng tín dụng:

- Ngày 24/10/2016, ông T4, bà M được Ngân hàng V giải ngân chuyển khoản số tiền 78.750.000 đồng vào khoản thanh toán số 109725145 đứng tên ông T4. Lịch trả nợ gốc và lãi hàng tháng vào ngày 01 của tháng, được chia thành 36 kỳ, kỳ đầu ngày 01/12/2016 trả vốn và lãi số tiền 3.702.500 đồng, 34 kỳ tiếp theo mỗi kỳ trả vốn và lãi số tiền 3.790.000 đồng, kỳ cuối ngày 01/11/2019 trả vốn và lãi số tiền 5.905.826 đồng.

- Tính đến ngày 23/8/2017, ông T4, bà M trả nợ được 10 kỳ số tiền 34.514.296 đồng (trong đó: vốn gốc 11.087.397 đồng và lãi 23.426.899 đồng) thì ngưng trả. Mặc dù, Ngân hàng V đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông T4, bà M không trả.

- Ngày 01/9/2017, Ngân hàng V chuyển dư nợ gốc còn lại số tiền 67.662.603 đồng sang nợ quá hạn, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ.

- Tính đến ngày 19/12/2019, ông T4, bà M nợ vay số tiền 164.714.319 đồng. Trong đó: nợ gốc 67.662.603 đồng, nợ lãi trong hạn 2.324.072 đồng, nợ lãi quá hạn 94.727.644 đồng.

Nay, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông T4 và bà M cùng có trách nhiệm trả nợ vay tính đến ngày 19/12/2019 số tiền 164.714.319 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại đồng tín dụng tính kể từ ngày 20/12/2019 cho đến khi trả xong dư nợ gốc số tiền 67.662.603 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Lê Minh T4 và bà Nguyễn Thị Ngọc M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T4, bà M đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận thuộc loại tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết chuyển vụ án từ vụ án dân sự sang vụ án kinh doanh thương mại. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Minh T4 và bà Nguyễn Thị Ngọc M đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T4, bà M theo thủ tục chung.

[3] *Về áp dụng pháp luật nội dung*: Xét hợp đồng tín dụng cho vay bằng phương thức sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân xác lập trước ngày 01/01/2017 sau đó mới tranh chấp. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Tòa án áp dụng các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản quy

phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng đang có hiệu lực pháp luật tại thời điểm xảy ra hành vi đó là: Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận và Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc sử dụng các phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng để giải quyết.

[4] *Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện, điều luật áp dụng và hướng giải quyết*:

[4.1] Xét việc xác lập, thực hiện quan hệ cho vay bằng hình thức tín chấp, giải ngân vốn cho vay bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán giữa Ngân hàng V với ông T4, bà M trên cơ sở ký kết Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20161024-0004827; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn với mức lãi suất thỏa thuận được Ngân hàng V niêm yết thông báo, kèm theo lịch trả nợ khi cho vay (BL: 07 – 13, 79 – 88, 116 – 119) là đúng trình tự, thủ tục về hoạt động cho vay được quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 94, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 5, 6, 7, 8, 10, 11, 13, khoản 7 Điều 16 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN.

[4.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T4, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vốn vay định kỳ, không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Việc Ngân hàng V chuyển dư nợ gốc số tiền 67.662.603 đồng sang nợ quá hạn, chấm dứt cho vay, khởi kiện yêu cầu ông T4, bà M trả nợ gốc, lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính đến ngày 19/12/2019 số tiền 164.714.319 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp tín dụng tính kể từ ngày 20/12/2019 cho đến khi trả xong dư nợ gốc số tiền 67.662.603 đồng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm c khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN; các khoản 1, 3 và 4 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

[4.3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mục **[4.1]**, **[4.2]**, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V giải quyết: Ông T4 và bà M cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V nợ tiền vay tính đến ngày 19/12/2019 số tiền 164.714.319 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn

theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp tín dụng tính kể từ ngày 20/12/2019 cho đến khi trả xong dư nợ gốc số tiền 67.662.603 đồng.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án giải quyết, ông T4 và bà M phải nộp án phí số tiền 8.235.716 đồng, hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền 3.508.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Điều 3 Thông tư số 09/2012/TT-NHNN ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc sử dụng các phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; các khoản 1, 3 và 4 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

1.1. Buộc ông Lê Minh T4 và bà Nguyễn Thị Ngọc M cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 164.714.319 (một trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm mười bốn nghìn ba trăm mười chín) đồng.

1.2. Buộc ông Lê Minh T4 và bà Nguyễn Thị Ngọc M cùng có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20161024-0004827 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng tài

khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn đã ký ngày 12 và ngày 24 tháng 10 năm 2016 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2019 cho đến khi ông T4 và bà M trả xong dư nợ gốc số tiền 67.662.603 (sáu mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Lê Minh T4 và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp án phí số tiền 8.235.716 (tám triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười sáu) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được nhận lại số tiền 3.508.000 (ba triệu năm trăm lẻ tám nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0012000 ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Cái Phước T2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Vắng mặt ông Ngô Chí D là người đại diện theo pháp luật, ông Đỗ Thành T1, anh Nguyễn Minh P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; ông Lê Minh T4, bà Nguyễn Thị Ngọc M là bị đơn. Báo cho anh T2 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông D, ông T1, anh P, ông T4, bà M vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD.NĐ + BĐ: 06;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Cao Minh Tân